



jìn lù
近路

noun · shortcut

Example Sentences

wǒ men zǒu zhè tiáo jìn lù ba
我们走这条近路吧。

Let's take this shortcut.

tā zhī dào yī tiáo qù chē zhàn de jìn lù
他知道一条去车站的近路。

He knows a shortcut to the station.

Trace each character, then write the word on your own.

近	近	近	近	近	近	近	近	近	近
路	路	路	路	路	路	路	路	路	路
路	路	路	路	路					